

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 54/2024/HS-PT
Ngày 28-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành;
Ông Nguyễn Huy Cẩn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2024/TLPT - HS, ngày 09 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1990, tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vinh Phúc, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2024/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1990 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vinh Phúc; nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L; có vợ Đặng Thị D và con có 04 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân bị cáo: Tại Bản án số 35/2012/HSST ngày 27/3/2012, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo và các quyết định khác của bản án ngày 28/7/2013, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2023 đến ngày 01/10/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt.

(Trong vụ án còn có bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo; không liên quan tới kháng cáo, Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 22/9/2023, Lê Xuân Đ rủ Nguyễn Xuân T, Lê Ngọc N, Trần Trọng B, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990 (Q 1990) đến nhà Đ uống nước chè. Trong khi uống nước chè, Đ gọi điện rủ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 (Quang 1984), ở xã B, huyện L đến nhà Đ đánh bạc. Q (1984) đồng ý rồi cùng Dương Thị B1 đến nhà Đ. Trong khi đợi Q (1984) đến thì T đi về nhà giải quyết việc riêng một lúc rồi quay lại nhà Đ. Còn Đ lấy 02 chiếu cói trải sẵn xuống nền phòng khách rồi đi bộ đến quán tạp hóa của anh Bùi Trọng N1 ở cùng thôn mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 02 bao thuốc lá Thăng L1 đem về nhà. Khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày, Q (1984) và B1 đến nhà Đ. Lúc này, Đ nói “*Đủ chân rồi anh em chơi đi*” rồi để bộ bài tú lơ khơ 52 quân xuống dưới chiếu đã trải trước đó thì N, T, B, Q (1990), Q (1984) và B1 cùng ngồi quây tròn trên chiếu đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng, thỏa thuận mức sát phạt thấp nhất là 20.000đ, cao nhất là 200.000đ. Cách thức chơi: Sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ từ quân Át đến quân K, trong mỗi ván bài, mỗi người chơi sẽ đặt số tiền cược như nhau là 20.000đ, người cầm chương sẽ chia cho mỗi người chơi ba quân bài, sau khi chia xong mỗi người chơi sẽ có các lựa chọn: Úp bài: Là trường hợp bài của người chơi quá yếu, không có cơ hội thắng và người chơi sẽ mất số tiền đã đặt cược; Theo: Là tiếp tục đặt số tiền cược bằng với người ngồi cửa trên đã đặt thêm; Tỏ: Là đặt cược thêm tiền cao hơn so với số tiền của người ngồi cửa trên đã đặt nhưng không quá 200.000đ. Sau khi tất cả đã lựa chọn xong, người chơi sẽ lật bài của mình, bài của người nào lớn nhất thì người đó thắng toàn bộ số tiền của những người chơi đã đặt cược trong ván đó. Việc xác định thắng - thua theo thứ tự: Thứ nhất là Sáp (03 lá bài giống nhau); Thứ hai Liêng: Là có 03 lá bài liên tiếp nhau, nếu người chơi cùng có Liêng thì xác định thắng - thua theo chất rô, cơ, tép, bích; Thứ ba: Ảnh là cả ba lá bài chỉ có quân J, Q, K; Thứ tư: Tính điểm là cộng điểm 3 lá bài, ai cao hơn sẽ thắng, nếu bằng điểm thì xác định thắng - thua theo thứ tự rô, cơ, tép, bích.

Trước khi đánh bạc T trả cho Q (1990) 600.000đ vay nợ trước đó. Các đối tượng đánh bạc được một lúc thì lần lượt có Nguyễn Trí T1 và Lê Văn H đều ở xã Đ, huyện T đến tham gia đánh bạc cùng. Lúc này, Đ thu của mỗi người 20.000đ (riêng B1 đưa 10.000đ) được 150.000đ, sau đó Đ cũng ngồi xuống chiếu tham gia đánh bạc cùng mọi người. Trong khi đánh bạc, Đ trả 500.000đ tiền vay nợ trước đó cho T1. Quá trình đánh bạc, N hết tiền nên về nhà lấy thêm 500.000đ rồi quay lại nhà Đ tiếp tục đánh bạc. Trong khi các đối tượng đánh bạc thì có anh Chu Quang T2, sinh năm 1992, ở cùng thôn với Đ đến xem các đối tượng đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang. T3 trên chiếu bạc số tiền 6.457.000đ, 52 quân bài tú lơ khơ từ quân Át đến quân K, 02 chiếc chiếu cói và các vật chứng liên quan.

Quá trình tham gia đánh bạc, xác định: Lê Xuân Đ có 500.000đ, Đ trả T1 500.000đ, Đ được các bị cáo khác trả tiền hồ 150.000đ, đã sử dụng 150.000đ để đánh bạc. T có 801.000đ, T trả Q (1990) 600.000đ, còn lại 201.000đ sử dụng để đánh bạc; Lê Ngọc N có 1.200.000đ; Q (1990) có 1.400.000đ, được T trả nợ 600.000đ, nên Q (1990) có 2.000.000đ đã sử dụng để đánh bạc; Bảy có 700.000đ; Q (1984) có 1.000.000đ; Ba có 200.000đ; H có 500.000đ; T1 có 156.000đ, được Đ trả nợ từ trước 500.00đ, như vậy T1 có 656.000đ đã sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.457.000đ.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2024/HS - ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q (1984), Lê Xuân Đ, Nguyễn Văn Q (1990), Trần Trọng B, Nguyễn Trí T1, Lê Ngọc N, Nguyễn Xuân T, Lê Văn H và Dương Thị B1 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q (1990) 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/9/2023 đến ngày 01/10/2023.

Bản án sơ thẩm còn quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q (1984) 03 (ba) năm 01(một) tháng tù; bị cáo Trần Trọng B 09 (chín) tháng tù; Nguyễn Trí T1 08 (tám) tháng tù; và phạt các bị cáo: Lê Xuân Đ 01 (một) năm tù, Lê Ngọc N 09 (chín) tháng tù, Nguyễn Xuân T 08 (tám) tháng tù, Dương Thị B1 06 (sáu) tháng tù, Lê Văn H 07 (bảy) tháng tù, đều cho Đ, N, T, Ba, H được hưởng án treo.

Ngoài ra, tòa sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 01 năm 2024, bị cáo Nguyễn Văn Q (1990) có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng bản án sơ thẩm xử bị cáo là nặng nên xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q (1990) làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án đã đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Q (1990) đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 40 đến 13 giờ 30 ngày 22/9/2023, tại nhà của Lê Xuân Đ ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Lê Xuân Đ cùng Nguyễn Văn Q (1990), Trần Trọng B, Nguyễn Trí T1, Lê Ngọc N, Nguyễn Xuân T, Lê Văn H, Nguyễn Văn Q (1984) và Dương Thị B1 đang có hành vi đánh bạc (hình thức đánh Liêng) được thua bằng tiền thì bị Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 6.457.000đ.

Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo Lê Xuân Đ, Nguyễn Văn Q (1990), Trần Trọng B, Nguyễn Trí T1, Lê Ngọc N, Nguyễn Xuân T, Lê Văn H và Dương Thị B1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi đánh bạc trái phép của Nguyễn Văn Q (1984) trước đó đã bị Tòa án xét xử với tình tiết tăng nặng “tái phạm” nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý là “Tái phạm nguy hiểm”, nên phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: ...

d) Tái phạm nguy hiểm”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đánh bạc là tệ nạn bị xã hội lên án, là nguyên nhân gây ra rất nhiều mâu thuẫn và đó cũng là cũng là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo đã xét xử các bị cáo Lê Xuân Đ, Nguyễn Văn Q (1990), Trần Trọng B, Nguyễn Trí T1, Lê Ngọc N, Nguyễn Xuân T, Lê Văn H và Dương Thị B1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321,

và bị cáo Nguyễn Văn Q (1984) theo khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin xin hưởng án treo của bị cáo Q (1990), Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu, ngày 27/3/2012, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo và các quyết định khác của bản án ngày 28/7/2013, bị cáo đã được xóa án tích.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo; bản thân tham gia vào hoạt động thiện nguyện tại địa phương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các tình tiết nhân thân, giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm cân nhắc, áp dụng đầy đủ và xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, lần bị xét xử trước đối với bị cáo diễn ra đã từ lâu, tính đến ngày phạm tội lần này đã trên 11 năm, đã được xóa án tích. Trong vụ án này, bị cáo tham gia vai trò đồng phạm, thứ yếu; số tiền trong vụ án đánh bạc chỉ hơn 06 triệu đồng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Q xuất trình giấy chứng nhận bị cáo từng tham gia hiến máu tình nguyện tại địa phương; phiếu thu xác nhận bị cáo đóng góp tiền ủng hộ cho quỹ người nghèo có hoàn cảnh khó khăn; giấy xác nhận của Trung tâm y tế huyện T thể hiện bị cáo có mẹ bị bệnh đang phải điều trị; bị cáo có 04 con nhỏ, được chính quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong gia đình. Như vậy, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, nhận thấy bị cáo Q (1990) có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên đủ điều kiện cho hưởng án treo theo qui định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Việc cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương như đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng không ảnh hưởng tới an ninh, trật tự; thể hiện sự nhân đạo của Nhà nước, cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

1. Chấp kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q (1990). Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2023/HS-ST, ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo về hình phạt.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q (sinh năm 1990), phạm tội “Đánh bạc”.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q (1990): 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Q (1990) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Tam Đảo;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Bị cáo;
- Lưu HS - Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Mạnh